

Số 32.25 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 25 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
 - Mã chứng khoán: VID
 - Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
 - E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố : Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2025
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/08/2025 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất bán niên năm 2025

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



Bùi Quang Khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	11 – 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	13 – 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (Công ty và công ty con được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Tình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Bùi Quang Khoa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Bùi Quang Minh – Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo Giấy ủy quyền số 01.24/UQ/VID-HCNS ngày 06/05/2024. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty").

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Số: ~~136~~ /BCSX/TC/2025/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:****Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Nhóm Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 27/08/2024 và 25/03/2025.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Tạ Quang Long

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Tp.HCM, ngày 25 tháng 08 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639.874.971.487	640.851.439.195
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.651.278.023	59.472.354.548
1. Tiền	111		11.651.278.023	59.472.354.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.600.107.140	59.800.259.341
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.600.107.140	59.800.259.341
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.059.667.985	232.709.612.770
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	188.022.808.573	265.061.518.752
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	71.866.449.845	18.547.397.777
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	11.600.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	19.737.207.192	1.267.493.866
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(52.166.797.625)	(52.166.797.625)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	361.092.701.363	283.714.324.814
1. Hàng tồn kho	141		361.092.701.363	283.714.324.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.471.216.976	5.154.887.722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	85.558.082	214.467.058
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.150.665.000	4.877.916.255
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	234.993.894	62.504.409
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		538.177.380.568	480.898.552.360
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.160.000.000	554.325.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	52.160.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	-	554.325.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
II. Tài sản cố định	220		46.368.367.965	50.627.228.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	41.675.607.842	45.987.679.001
- Nguyên giá	222		124.443.270.295	125.017.849.343
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(82.767.662.453)	(79.030.170.342)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.692.760.123	4.639.549.636
- Nguyên giá	228		8.333.461.916	8.178.611.916
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.640.701.793)	(3.539.062.280)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	18.751.415.355	18.751.415.355
- Nguyên giá	231		18.751.415.355	18.751.415.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	2.634.588.190	42.100.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.634.588.190	42.100.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	415.733.786.418	407.654.632.178
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		268.883.126.418	266.799.192.178
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		147.604.160.000	141.608.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.529.222.640	3.268.851.190
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.194.110.629	1.488.701.843
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	1.335.112.011	1.780.149.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.178.052.352.055	1.121.749.991.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		504.771.562.848	453.797.604.428
I. Nợ ngắn hạn	310		501.171.562.848	442.911.304.428
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	25.281.786.906	91.140.838.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	25.698.698.466	349.983.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	100.233.943	5.007.271.891
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	56.792.150	821.539.573
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	635.068.362	779.404.519
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	447.139.870.279	342.346.153.170
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.259.112.742	2.466.112.742
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.600.000.000	10.886.300.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	-	186.300.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	3.600.000.000	10.700.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	673.280.789.207	667.952.387.127
I. Vốn chủ sở hữu	410		673.280.789.207	667.952.387.127
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.032.671.673	5.032.671.673
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.367.759.813	3.367.759.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.774.125.649	10.774.125.649
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.735.040.726	69.813.881.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		69.813.881.523	62.869.021.774
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.921.159.203	6.944.859.749
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		172.010.501.346	170.603.258.469
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.178.052.352.055	1.121.749.991.555

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	495.660.840.795	552.305.642.574
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	495.660.840.795	552.305.642.574
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	463.616.823.641	515.821.305.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.044.017.154	36.484.337.209
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.278.099.177	4.787.308.912
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.668.686.517	11.469.461.797
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.844.049.100	8.188.450.757
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI.5	10.081.493.740	11.146.916.016
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	10.097.985.748	16.101.500.799
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.207.616.781	22.727.241.020
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.429.321.025	2.120.358.521
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.929.303.869	1.932.836.989
13. Chi phí khác	32	VI.8	30.222.814	45.923.171
14. Lợi nhuận khác	40		1.899.081.055	1.886.913.818
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.328.402.080	4.007.272.339
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		5.328.402.080	4.007.272.339
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.921.159.203	2.245.598.641
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.407.242.877	1.761.673.698
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	96	55
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	96	55

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.328.402.080	4.007.272.339
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.829.132.490	4.512.480.591
- Các khoản dự phòng	03		-	(799.081.532)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.041.814.259)	(15.153.167.519)
- Chi phí lãi vay	06		9.844.049.100	8.188.450.757
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.959.769.412	755.954.636
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.062.332.859	22.784.016.037
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(77.378.376.549)	(71.851.395.656)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(44.923.241.219)	(102.422.361.704)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		423.500.191	(1.574.650.821)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.601.050.043)	(8.681.037.569)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.760.606.528)	(1.140.625.811)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(207.000.000)	(170.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(122.424.671.878)	(162.300.100.888)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.867.700.008)	(1.076.583.340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.760.000.000)	(14.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.200.152.201	35.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.995.220.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.332.646.051	11.314.652.665
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.090.121.756)	31.358.069.325

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		508.472.125.679	598.606.249.546
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(410.778.408.570)	(496.549.530.768)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.040.879.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		97.693.717.109	91.015.839.778
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(47.821.076.525)	(39.926.191.785)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		59.472.354.548	97.104.996.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.651.278.023	57.178.805.067

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 30/06/2025 là 78 người (tại ngày 31/12/2024 là 74 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của Nhóm Công ty

Tổng số các Công ty con : 01

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt (*)	Hoạt động du lịch và văn hóa	100.000.000.000	37,65%	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục	173.109.780.000	37,05%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh...	45.000.000.000	37,32%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	91.260.000.000	33,63%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Trồng, kinh doanh, chế biến nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp...	19.505.110.000	27,04%	27,04%

(*) Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Làng Văn hóa tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và không phát sinh hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 30/06/2025, nhóm Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông – Bình Dương tại Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ Nhóm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập và trình bày theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc bảo đảm đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không mất đi quyền kiểm soát được hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Nhóm Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Nhóm Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Nhóm Công ty, thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước đây Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát, theo đó Nhóm Công ty kết chuyển lãi/lỗ trước đây đã ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

b) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

c) Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi đầu tư.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi đầu tư được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi đầu tư từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, được ghi nhận vào các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty. Thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức, lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Nhóm Công ty dùng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Nếu khoản đầu tư còn lại trong công ty liên kết trở thành khoản đầu tư tài chính dài hạn, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá; các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38	05 – 38
- Máy móc, thiết bị	03 – 12	03 – 12
- Phương tiện vận tải	05 – 10	05 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05	03 – 05
- Phần mềm máy tính	03 – 06	03 – 06
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	39	39

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, thì phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Nhóm Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của các công ty trong Nhóm Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu từ bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa và thành phẩm được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi và cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm và hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Nhóm Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Nhóm Công ty chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Nhóm Công ty được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm từ giấy.
- Các dịch vụ khác: Doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của bộ phận này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của Nhóm Công ty nên thông tin của bộ phận này được trình bày tại phần quản lý chung của Nhóm Công ty.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.563.132.753	764.071.118
Tiền gửi ngân hàng	10.028.932.351	58.708.283.430
Tiền đang chuyển	59.212.919	-
Cộng	11.651.278.023	59.472.354.548

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	17.600.107.140	17.600.107.140	59.800.259.341	59.800.259.341
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (i)	17.600.107.140	17.600.107.140	59.800.259.341	59.800.259.341
- Dài hạn	-	-	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	-	-
Cộng	17.600.107.140	17.600.107.140	59.800.259.341	59.800.259.341

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3. Công ty đã cầm cố toàn bộ các khoản tiền gửi ngân hàng này để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Xem thuyết minh số V.15).

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đối tượng	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	37,65%	45.000.000.000	37,65%	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	37,05%	107.417.375.825	37,05%	102.597.131.942
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	37,32%	26.759.156.924	37,32%	26.975.864.554
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	33,63%	84.400.246.459	33,63%	86.615.793.910
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	5.306.347.210	27,04%	5.610.401.772
Cộng		268.883.126.418		266.799.192.178

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty liên kết	01/01/2025	Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	30/06/2025
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	45.000.000.000	-	-	-	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102.597.131.942	4.820.243.883	-	-	107.417.375.825
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	26.975.864.554	716.651.870	(933.359.500)	-	26.759.156.924
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	86.615.793.910	4.848.652.549	(7.064.200.000)	-	84.400.246.459
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	5.610.401.772	(304.054.562)	-	-	5.306.347.210
Cộng	266.799.192.178	10.081.493.740	(7.997.559.500)	-	268.883.126.418

(*) **Ghi chú:** Tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, liên doanh xem ở Thuyết minh I.5.

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Đối tượng						
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	7,50%	80.000.000.000	-	7,50%	80.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	10,09%	66.850.660.000	-	10,09%	60.855.440.000	-
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	13,87%	416.000.000	416.000.000	13,87%	416.000.000	416.000.000
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	15,00%	337.500.000	337.500.000	15,00%	337.500.000	337.500.000
Cộng		147.604.160.000	753.500.000		141.608.940.000	753.500.000

(*) **Ghi chú:** Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Tac Paritas và Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ lần lượt là 14,69% và 13,32%. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An và Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt bằng với tỷ lệ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	188.022.808.573	265.061.518.752
<i>Các khách hàng là bên liên quan</i>	<i>34.033.249.653</i>	<i>38.191.428.401</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	25.959.970.801	25.959.970.801
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô	1.000.000.000	7.691.457.600
Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	7.073.278.852	4.540.000.000
<i>Các khách hàng là bên thứ ba</i>	<i>153.989.558.920</i>	<i>226.870.090.351</i>
Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	33.076.448.995	32.748.429.267
Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco	17.132.526.494	24.350.103.986
Công ty Cổ phần In Số 7	28.041.659.199	18.019.131.581
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang	12.383.938.119	14.648.725.770
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
Công ty Cổ phần In Sóc Trăng	9.437.271.564	20.660.400
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TPHCM - Xí nghiệp in Tài Chính	6.596.121.600	1.460.332.800
Các khách hàng khác	37.622.447.946	125.923.561.544
b) Dài hạn	-	-
Cộng	188.022.808.573	265.061.518.752

4. Trả trước người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	71.866.449.845	18.547.397.777
<i>Các nhà cung cấp là bên liên quan</i>	<i>6.507.395.948</i>	<i>6.507.395.948</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.507.395.948	6.507.395.948
<i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i>	<i>65.359.053.897</i>	<i>12.040.001.829</i>
Công ty Cổ phần Tac Paritas	47.141.404.056	5.088.080.723
Kinmari Sigma Matt Hokuetsu Corporation	6.440.472.498	-
Japan Pulp & Paper Co.,LTD	3.770.434.241	-
DaiO LWC Matt (Kanto Excel) Itochu Pulp And Paper Corp	3.378.411.499	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Adu	2.244.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
Các nhà cung cấp khác	1.321.231.603	5.889.321.106
b) Dài hạn	-	-
Cộng	71.866.449.845	18.547.397.777

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	11.600.000.000	-
<i>Bên vay là các bên thứ ba</i>	<i>11.600.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang (i)	10.100.000.000	-
Bà Võ Thị Nhã Phương (ii)	1.500.000.000	-
b) Dài hạn	52.160.000.000	-
<i>Bên vay là các bên liên quan</i>	<i>52.160.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (iii)	41.460.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (iv)	10.700.000.000	-
Cộng	63.760.000.000	-

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang vay theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 10/03/HĐVV/2025/GIẤYTL ngày 10/03/2025. Số tiền cho vay 6.400.000.000 VND, thời gian cho vay từ 10/03/2025 đến 09/03/2026, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 21/04/HĐVV/2025/GIẤYTL ngày 21/04/2025. Số tiền cho vay 3.700.000.000 VND, thời gian cho vay từ 21/04/2025 đến 20/04/2026, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản cho Bà Võ Thị Nhã Phương vay theo hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 26/05/HĐVV/2025/GIẤYTL ngày 26/05/2025. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 5.000.000.000 VND. Thời gian cho vay vốn 08 tháng kể từ ngày UNC lần đầu, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ vay theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 10/01/2024/HĐVV ngày 19/01/2024, số tiền cho vay 10.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày thực tế nhận tiền, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 05/05/2025/HĐVV ngày 05/05/2025, số tiền cho vay 35.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày thực tế nhận tiền, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt vay theo Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 20/006/HĐVV/2025/GIẤY TOÀN LỰC- HOÀNG VIỆT ngày 20/06/2025 nhằm phát triển mảng giáo dục và để phục vụ cho đầu tư cơ sở vật chất và mở rộng cơ sở giáo dục, số tiền vay vốn là 10.700.000.000 VND. Thời gian cho vay vốn là 02 năm kể từ ngày 20/06/2025 đến 19/06/2027. Lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Phải thu khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	19.737.207.192	1.267.493.866
Tạm ứng	103.439.701	250.387.003
Ký cược, ký quỹ	8.865.506.074	5.000.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	2.560.000	-
Phải thu khác	10.765.701.417	1.012.106.863
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	<i>10.721.492.102</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (cổ tức và lãi cho vay)	7.072.005.479	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (cổ tức và lãi cho vay)	516.127.123	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh)	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (cổ tức)	933.359.500	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	<i>44.209.315</i>	<i>1.012.106.863</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	44.209.315	1.001.925.863
Các đối tượng khác	-	10.181.000
b) Dài hạn	-	554.325.000
Ký cược ký quỹ dài hạn	-	554.325.000
Cộng	19.737.207.192	1.821.818.866

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	66.719.226.947	21.196.395.239	45.522.831.708	67.625.496.072	22.102.664.364	45.522.831.708
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	25.959.970.801	-	25.959.970.801	25.959.970.801	-	25.959.970.801
Công ty TNHH MTV In báo Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	18.688.808.635	17.300.052.234	1.388.756.401	18.688.808.635	17.300.052.234	1.388.756.401
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	-	9.699.145.003	9.699.145.003	-	9.699.145.003
Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú	2.053.005.586	1.624.656.057	428.349.529	2.053.005.586	1.624.656.057	428.349.529
Công ty TNHH MTV In Đắc Lắc	1.737.728.583	1.126.409.583	611.319.000	2.037.728.583	1.426.409.583	611.319.000
Công ty Cổ Phần In Scitech	251.146.109	119.143.269	132.002.840	857.415.234	725.412.394	132.002.840
Các khách hàng khác	8.329.422.230	1.026.134.096	7.303.288.134	8.329.422.230	1.026.134.096	7.303.288.134
Trả trước cho người bán	6.643.965.917	-	6.643.965.917	6.643.965.917	-	6.643.965.917
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.507.395.948	-	6.507.395.948	6.507.395.948	-	6.507.395.948
Công ty TNHH Xã hội Công dân Chuyên nghiệp	136.569.969	-	136.569.969	136.569.969	-	136.569.969
Cộng	73.363.192.864	21.196.395.239	52.166.797.625	74.269.461.989	22.102.664.364	52.166.797.625

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	225.484.100	-	-	-
Thành phẩm	5.518.518.863	-	4.802.336.758	-
Hàng hóa	355.348.698.400	-	278.911.988.056	-
Cộng	361.092.701.363	-	283.714.324.814	-

Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số V.15).

9. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ (01/01/2025)	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ (30/06/2025)
Công trình cải tạo trường học	42.100.000	2.344.469.150	-	-	2.386.569.150
Công trình cải tạo kho tổng	-	136.418.769	-	-	136.418.769
Công trình cải tạo lan can và nhà vệ sinh văn phòng	-	111.600.271	-	-	111.600.271
Cộng	42.100.000	2.592.488.190	-	-	2.634.588.190

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	97.825.660.663	10.729.550.215	13.891.605.158	2.571.033.307	125.017.849.343
Mua trong kỳ	-	120.361.818	-	-	120.361.818
Thanh lý trong kỳ	(498.940.866)	-	-	(196.000.000)	(694.940.866)
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	97.326.719.797	10.849.912.033	13.891.605.158	2.375.033.307	124.443.270.295
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	58.647.144.360	10.436.755.620	7.406.292.615	2.539.977.747	79.030.170.342
Trích khấu hao trong kỳ	3.709.796.648	241.993.227	323.499.102	7.166.664	4.282.455.641
Thanh lý trong kỳ	(348.963.530)	-	-	(196.000.000)	(544.963.530)
Phân loại lại	-	(46.745.995)	46.745.995	-	-
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	62.007.977.478	10.632.002.852	7.776.537.712	2.351.144.411	82.767.662.453
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2025)	39.178.516.303	292.794.595	6.485.312.543	31.055.560	45.987.679.001
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025)	35.318.742.319	217.909.181	6.115.067.446	23.888.896	41.675.607.842

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 35.526.559.542 VND.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình			
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	7.726.577.193	452.034.723	8.178.611.916
Mua trong kỳ	-	154.850.000	154.850.000
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	7.726.577.193	606.884.723	8.333.461.916
Giá trị đã hao mòn			
Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	3.087.027.557	452.034.723	3.539.062.280
Trích khấu hao trong kỳ	99.058.680	2.580.833	101.639.513
Số dư cuối kỳ (30/06/2025)	3.186.086.237	454.615.556	3.640.701.793
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ (01/01/2025)	4.639.549.636	-	4.639.549.636
Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025)	4.540.490.956	152.269.167	4.692.760.123

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 452.034.723 VND.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình cuối kỳ dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay: 0 VND.

(*) Chi tiết:

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Thửa đất số 338 tại Lô A2-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(Thông tin đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025)

Diện tích (m2) Số tiền (VND)

8.940,30 7.726.577.193

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn tại thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với diện tích 1.062,4 m2 có nguyên giá là 18.751.415.355 VND, mục đích nắm giữ bất động sản này là để chờ tăng giá, không trích khấu hao.

13. Chi phí trả trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	85.558.082	214.467.058
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.743.392	69.864.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.814.690	144.602.234
b) Dài hạn	1.194.110.629	1.488.701.843
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	861.423.501	1.072.901.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.687.128	415.800.378
Cộng	1.279.668.711	1.703.168.901

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Số dư đầu năm (01/01)		
Nguyên giá (giá gốc)	8.900.746.732	8.900.746.732
Phân bổ lũy kế	(7.120.597.385)	(6.230.522.711)
Giá trị còn lại	1.780.149.347	2.670.224.021
Phát sinh trong kỳ		
Phân bổ trong kỳ	(445.037.336)	(445.037.337)
Số dư cuối kỳ (30/06)		
Nguyên giá (giá gốc)	8.900.746.732	8.900.746.732
Phân bổ lũy kế	(7.565.634.721)	(6.675.560.048)
Giá trị còn lại	1.335.112.011	2.225.186.684

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ
a) Vay ngắn hạn	342.346.153.170	342.346.153.170	507.372.125.679	(402.578.408.570)	447.139.870.279	447.139.870.279
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>341.846.153.170</i>	<i>341.846.153.170</i>	<i>507.372.125.679</i>	<i>(402.578.408.570)</i>	<i>446.639.870.279</i>	<i>446.639.870.279</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quận 3 (i)	272.185.392.279	272.185.392.279	429.808.679.893	(332.917.647.679)	369.076.424.493	369.076.424.493
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Quận 5 (ii)	69.660.760.891	69.660.760.891	77.563.445.786	(69.660.760.891)	77.563.445.786	77.563.445.786
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>	-	-	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc (iii)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
b) Vay dài hạn	10.700.000.000	10.700.000.000	1.100.000.000	(8.200.000.000)	3.600.000.000	3.600.000.000
<i>Vay bên liên quan</i>	<i>8.200.000.000</i>	<i>8.200.000.000</i>	-	<i>(8.200.000.000)</i>	-	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	8.200.000.000	8.200.000.000	-	(8.200.000.000)	-	-
<i>Vay bên thứ ba</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>1.100.000.000</i>	-	<i>3.600.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc (iv)	2.500.000.000	2.500.000.000	1.100.000.000	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	353.046.153.170	353.046.153.170	508.472.125.679	(410.778.408.570)	450.739.870.279	450.739.870.279

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3 ("BIDV") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/2317695/HĐTD ngày 04/09/2024. Hạn mức vay là 700.000.000.000 VND bao gồm VND và ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp các tài sản bao gồm các lô hàng nhập khẩu để bảo mở L/C tại từng thời điểm, các bất động sản của bên thứ ba và cầm cố các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty tại BIDV với tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 ("Sacombank") theo Hợp đồng số 201907480016/2014 ngày 16/07/2024 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh là 110.000.000.000 VND, hạn mức phát hành LC trả ngay là 40.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay không quá 06 tháng được quy định theo từng văn kiện tín dụng cụ thể. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của thành viên Công ty; thế chấp hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa với sự tài trợ của Sacombank.
- (iii) Vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc theo Hợp đồng vay vốn số 01.2023/HĐVV ngày 21/08/2023 với số tiền vay là 500.000.000 VND. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán nội địa. Thời hạn 24 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay, lãi suất vay là 7%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc theo các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng vay vốn số 01.2024/HĐVV ngày 25/10/2024 với số tiền vay là 2.500.000.000 VND. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVV ngày 11/03/2025 với số tiền vay 600.000.000 VND. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay vốn số 02.2025/HĐVV ngày 24/06/2025 với số tiền vay 500.000.000 VND. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

a) Ngắn hạn

Các nhà cung cấp là bên thứ ba

Moorim P&P Korea

Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics

NP International (s) Japan

Gold East Trading (HK)

Kleannara Co., Ltd Korea

Các nhà cung cấp khác

b) Dài hạn

Cộng

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

30/06/2025		01/01/2025	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
25.281.786.906	25.281.786.906	91.140.838.900	91.140.838.900
25.281.786.906	25.281.786.906	91.140.838.900	91.140.838.900
9.181.997.709	9.181.997.709	24.625.821.541	24.625.821.541
5.245.581.795	5.245.581.795	4.096.557.795	4.096.557.795
3.337.617.028	3.337.617.028	23.676.729.646	23.676.729.646
3.179.386.078	3.179.386.078	18.892.132.172	18.892.132.172
2.498.055.520	2.498.055.520	11.009.000.443	11.009.000.443
1.839.148.776	1.839.148.776	8.840.597.303	8.840.597.303
-	-	-	-
25.281.786.906	25.281.786.906	91.140.838.900	91.140.838.900

17. Người mua trả tiền trước

a) Ngắn hạn

Các khách hàng là bên thứ ba

Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang

Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á

Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ

Công ty TNHH An Hào

Các khách hàng khác

b) Dài hạn

Cộng

30/06/2025	01/01/2025
VND	VND
25.698.698.466	349.983.633
25.698.698.466	349.983.633
10.382.840.620	-
5.871.705.583	-
5.483.206.910	-
2.789.403.514	-
1.171.541.839	349.983.633
-	-
25.698.698.466	349.983.633

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp, điều chỉnh trong kỳ	30/06/2025
a) Phải nộp	5.007.271.891	27.133.142.546	(32.040.180.494)	100.233.943
Thuế giá trị gia tăng	3.140.787.888	-	(3.140.787.888)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	24.729.742.891	(24.729.742.891)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.760.606.528	-	(1.760.606.528)	-
Thuế thu nhập cá nhân	105.877.475	613.608.613	(619.252.145)	100.233.943
Thuế đất, tiền thuê đất	-	1.745.176.722	(1.745.176.722)	-
Thuế khác	-	44.614.320	(44.614.320)	-
b) Phải thu	62.504.409	859.870.979	(1.032.360.464)	234.993.894
Thuế nhập khẩu	-	859.870.979	(1.032.360.464)	172.489.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.504.409	-	-	62.504.409

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	56.792.150	821.539.573
Chi phí lãi vay phải trả	-	820.499.573
Chi phí phải trả khác	56.792.150	1.040.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	56.792.150	821.539.573

20. Phải trả khác

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	635.068.362	779.404.519
Kinh phí công đoàn	520.525.129	679.345.150
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.164.029	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	113.379.204	100.059.369
b) Dài hạn	-	186.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	186.300.000
Cộng	635.068.362	965.704.519

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tại ngày 01/01	2.466.112.742	2.929.432.742
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(207.000.000)	(170.000.000)
Tại ngày 30/06	2.259.112.742	2.759.432.742

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
Số dư đầu năm trước (01/01/2024)	408.360.690.000	5.032.671.673	3.367.759.813	10.774.125.649	83.428.036.702	184.878.709.703	695.841.993.540
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	6.944.859.749	2.662.977.906	9.607.837.655
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.034.500)	(16.923.718.500)	(37.341.753.000)
Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	(140.980.428)	(14.710.640)	(155.691.068)
Số dư cuối năm trước (31/12/2024)	408.360.690.000	5.032.671.673	3.367.759.813	10.774.125.649	69.813.881.523	170.603.258.469	667.952.387.127
Số dư đầu năm nay (01/01/2025)	408.360.690.000	5.032.671.673	3.367.759.813	10.774.125.649	69.813.881.523	170.603.258.469	667.952.387.127
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.921.159.203	1.407.242.877	5.328.402.080
Số dư cuối kỳ này (30/06/2025)	408.360.690.000	5.032.671.673	3.367.759.813	10.774.125.649	73.735.040.726	172.010.501.346	673.280.789.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	%	01/01/2025	%
	VND		VND	
Bùi Quang Mẫn	67.369.240.000	16,50	67.369.240.000	16,50
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	32.300.530.000	7,91	32.300.530.000	7,91
Nguyễn Thị Thu	29.147.730.000	7,14	29.147.730.000	7,14
Vốn góp của các cổ đông khác	279.543.190.000	68,45	279.543.190.000	68,45
Cộng	408.360.690.000	100	408.360.690.000	100

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	408.360.690.000	408.360.690.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	408.360.690.000	408.360.690.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu phổ thông	40.836.069	40.836.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

e) Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01.25NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025. Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 5% mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 20.418.034.500 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được hạch toán trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 do chưa có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	30/06/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	4.382,55	3.921,15
- Euro (EUR)	20,00	20,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa	413.927.978.828	463.104.208.367
Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm	77.509.745.521	86.004.791.311
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	4.223.116.446	3.196.642.896
Cộng	495.660.840.795	552.305.642.574

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	387.285.898.620	433.038.715.925
Giá vốn bán thành phẩm	75.258.258.945	82.782.589.440
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.072.666.076	-
Cộng	463.616.823.641	515.821.305.365

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi tiền, lãi cho vay	901.730.105	1.595.272.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.997.132.000	2.398.088.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	379.237.072	793.948.712
Cộng	7.278.099.177	4.787.308.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lãi vay	9.844.049.100	8.188.450.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.824.637.417	3.281.011.040
Cộng	14.668.686.517	11.469.461.797

5. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	4.820.243.883	5.904.493.079
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	716.651.870	349.758.262
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	4.848.652.549	5.551.877.703
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	(304.054.562)	(659.213.028)
Cộng	10.081.493.740	11.146.916.016

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
a) Chi phí bán hàng	10.097.985.748	16.101.500.799
Chi phí nhân viên	944.805.000	825.545.000
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	9.153.180.748	15.275.955.799
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.207.616.781	22.727.241.020
Chi phí nhân viên quản lý	9.448.321.145	8.632.034.042
Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	366.674.035	174.129.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.756.466.415	4.512.480.591
Thuế, phí và lệ phí	1.789.791.042	-
Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	-	(799.081.532)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.061.873.677	6.996.647.349
Chi phí khác	784.490.467	3.211.031.474

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản	1.061.458.415	12.891.303
Thu nhập từ xử lý công nợ thuế tại Bình Dương	-	1.503.708.853
Thu tiền thưởng từ đối tác	739.259.449	-
Thu tiền bồi thường	84.308.181	378.261.132
Thu nhập khác	44.277.824	37.975.701
Cộng	1.929.303.869	1.932.836.989

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	8.304.546	-
Chi phí khác	21.918.268	45.923.171
Cộng	30.222.814	45.923.171

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.921.159.203	2.245.598.641
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.921.159.203	2.245.598.641
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.836.069	40.836.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu	96	55

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.177.939.192	82.666.162.021
Chi phí nhân công	12.534.039.038	11.393.384.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.829.132.491	4.512.480.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	16.811.598.934	25.263.534.974
Cộng	108.087.672.318	123.835.562.025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
- Thành viên gia đình của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của thành viên quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		330.000.000	330.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát		66.000.000	66.000.000
Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Tình	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác		535.562.321	621.378.800
Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc	302.951.921	350.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	172.610.400	201.378.800
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	60.000.000	70.000.000
Cộng		931.562.321	1.017.378.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán, Nhóm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	-	580.328.768
		Trả tiền lãi vay	-	426.520.548
		Cổ tức phải trả	-	8.241.600.000
		Chi trả tiền cổ tức	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	53.177.308.094	38.052.817.596
		Cổ tức được chia	933.359.500	933.359.500
		Thu tiền cổ tức được chia	-	933.359.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Cho vay	10.700.000.000	-
		Lãi cho vay	7.805.479	-
		Cổ tức được chia	7.064.200.000	5.298.150.000
		Thu tiền cổ tức được chia	-	5.298.150.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.790.287.219	2.658.632.428
		Bán tài sản, công cụ dụng cụ	727.272.727	-
		Mua hàng hóa	418.021.695	440.304.437
		Trả tiền vay	8.200.000.000	-
		Lãi vay phải trả và đã trả	7.556.164	-
		Cho vay	47.460.000.000	10.000.000.000
		Thu nợ cho vay	6.000.000.000	5.700.000.000
		Lãi cho vay phải thu	431.127.123	186.372.603
		Cổ tức được chia	3.597.132.000	2.398.088.000
		Thu tiền cổ tức được chia	3.512.132.000	2.398.088.000
		Cổ tức phải trả và đã trả	-	2.752.879.000
		Góp vốn cổ phần	5.995.220.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			30/06/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3)	25.959.970.801	25.959.970.801
		Trả trước tiền mua hàng (Thuyết minh V.4)	6.507.395.948	6.507.395.948
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3)	1.000.000.000	7.691.457.600
		Phải thu tiền cổ tức được chia (Thuyết minh V.6)	933.359.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Phải thu cho vay (Thuyết minh V.5)	10.700.000.000	-
		Phải thu tiền lãi cho vay và cổ tức được chia (Thuyết minh V.6)	7.072.005.479	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3)	7.073.278.852	4.540.000.000
		Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (Thuyết minh V.6)	2.200.000.000	-
		Phải thu cho vay (Thuyết minh V.5)	41.460.000.000	-
		Phải thu tiền lãi cho vay và cổ tức được chia (Thuyết minh V.6)	516.127.123	-
		Phải trả tiền vay (Thuyết minh V.15)	-	8.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Nhóm Công ty chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Nhóm Công ty được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm từ giấy;

- Các dịch vụ khác: Doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của bộ phận này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của Nhóm Công ty nên thông tin của bộ phận này được trình bày tại phần quản lý chung của Nhóm Công ty.

Thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận kế toán trước thuế của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trong kỳ sau:

2.1 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Đơn vị tính: VND			
	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy	Cung cấp dịch vụ	Phần quản lý chung	Cộng
Doanh thu thuần	491.437.724.349	4.223.116.446	-	495.660.840.795
Doanh thu tài chính và phần lãi trong công ty liên kết	-	-	17.359.592.917	17.359.592.917
Thu nhập khác	-	-	1.929.303.869	1.929.303.869
Tổng doanh thu, thu nhập	491.437.724.349	4.223.116.446	19.288.896.786	514.949.737.581
Giá vốn hàng bán	462.544.157.565	1.072.666.076	-	463.616.823.641
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	18.049.576.342	-	13.256.026.187	31.305.602.529
Chi phí tài chính và phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	14.668.686.517	14.668.686.517
Chi phí khác	-	-	30.222.814	30.222.814
Tổng chi phí	480.593.733.907	1.072.666.076	27.954.935.518	509.621.335.501
Lợi nhuận trước thuế	10.843.990.442	3.150.450.370	(8.666.038.732)	5.328.402.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.2 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy	Cung cấp dịch vụ	Phần quản lý chung	Cộng
Doanh thu thuần	549.108.999.678	3.196.642.896	-	552.305.642.574
Doanh thu tài chính và phần lãi trong công ty liên kết	-	-	15.934.224.928	15.934.224.928
Thu nhập khác	-	-	1.932.836.989	1.932.836.989
Tổng doanh thu, thu nhập	549.108.999.678	3.196.642.896	17.867.061.917	570.172.704.491
Giá vốn hàng bán	515.821.305.365	-	-	515.821.305.365
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	22.767.968.990	-	16.060.772.829	38.828.741.819
Chi phí tài chính và phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	11.469.461.797	11.469.461.797
Chi phí khác	-	-	45.923.171	45.923.171
Tổng chi phí	538.589.274.355	-	27.576.157.797	566.165.432.152
Lợi nhuận trước thuế	10.519.725.323	3.196.642.896	(9.709.095.880)	4.007.272.339

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.651.278.023	-	59.472.354.548	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.600.107.140	-	59.800.259.341	-
Phải thu khách hàng	188.022.808.573	45.522.831.708	265.061.518.752	45.522.831.708
Các khoản phải thu khác	19.737.207.192	-	1.821.818.866	-
Phải thu về cho vay	63.760.000.000	-	-	-
Đầu tư tài chính	147.604.160.000	753.500.000	141.608.940.000	753.500.000
Cộng	448.375.560.928	46.276.331.708	527.764.891.507	46.276.331.708



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị sổ sách	
	30/06/2025	01/01/2025
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	25.281.786.906	91.140.838.900
Chi phí phải trả	56.792.150	821.539.573
Phải trả khác	635.068.362	965.704.519
Vay và nợ thuê tài chính	450.739.870.279	353.046.153.170
Cộng	476.713.517.697	445.974.236.162

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Nhóm Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Nhóm Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Nhóm Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2025, tài sản đảm bảo của Nhóm Công ty cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quận 3 (xem thuyết minh số V.2).
- Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số V.8).

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Nhóm Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính và cho vay

Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản đầu tư và cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay và nợ ở mức mà Nhóm Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối kỳ (30/06/2025)	473.113.517.697	3.600.000.000	476.713.517.697
Phải trả cho người bán	25.281.786.906	-	25.281.786.906
Phải trả khác	56.792.150	-	56.792.150
Chi phí phải trả	635.068.362	-	635.068.362
Vay và nợ thuê tài chính	447.139.870.279	3.600.000.000	450.739.870.279
Số đầu kỳ (01/01/2025)	435.087.936.162	10.886.300.000	445.974.236.162
Phải trả cho người bán	91.140.838.900	-	91.140.838.900
Phải trả khác	821.539.573	-	821.539.573
Chi phí phải trả	779.404.519	186.300.000	965.704.519
Vay và nợ thuê tài chính	342.346.153.170	10.700.000.000	353.046.153.170

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Nhóm Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán) và các khoản vay có gốc ngoại tệ.

Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu, dịch vụ và vay vốn có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Nhóm Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh